TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 15-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Bùi Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Số M đường L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy Lvà ông Ngô Văn P; cùng cư trú tại: Số S đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 210/2017/UQ-VPB ngày 27/10/2017); bà L có mặt, ông P vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị T; nơi cư trú: Số K đường X, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây viết là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Hoàng Thị T ký Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T vào ngày 30/9/2014 để vay số tiền gốc là 13.650.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng tín chấp; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 60%/năm, trả góp gốc lãi hàng tháng.

Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 ngày 30/9/2014 đã ký. Bà Hoàng Thị T đã nhận đủ số tiền vay 13.000.000 đồng và 650.000 đồng tiền đóng phí bảo hiểm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, bà T đã thanh toán được tổng cộng 8.045.000 đồng (trong đó gốc 2.588.483 đồng, lãi 5.456.517 đồng). Bà T không trả gốc và lãi như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã có đơn khởi kiện bà T tại Tòa án.

Nay, Ngân hàng đề nghị bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng như sau: Bà Hoàng Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tính đến ngày 01/10/2017 với tổng số tiền là 22.374.743 (hai mươi hai triệu ba trăm bẩy mươi tư nghìn bẩy trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó: Nợ gốc 11.061.517 đồng; nợ lãi 11.313.226 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu tính khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc của bà T kể từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Hoàng Thị T tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Quan điểm của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bà Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2018, bà T xác nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền là 22.374.743 trong đó nợ gốc 9.533.525 đồng, nợ lãi 11.313.226 đồng và gốc chưa đến hạn 1.527.992 đồng (tính đến ngày 01/10/2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 121, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 01/10/2017 theo Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 ký ngày 30/9/2014 là 22.374.743 (hai mươi hai triệu, ba trăm bẩy mươi tư nghìn bẩy trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó: Nợ gốc 11.061.517 đồng; nợ lãi 11.313.226 đồng. Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng; Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Hoàng Thị Tâm vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[3] Ngày 30/9/2014, Bà Hoàng Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho bà T vay 13.650.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng tín chấp; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 60%/năm. Như vậy, thể hiện, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Về hình thức của

hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

[4] Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 13.650.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 9 Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến ngày 01/10/2017, tổng cộng 8.045.000 đồng (trong đó gốc 2.588.483 đồng, lãi 5.456.517 đồng). Số tiền bị đơn chưa trả tính thời điểm hiện nay là 22.374.743 đồng (trong đó gốc 11.061.517 đồng, lãi 11.313.226 đồng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của bị đơn, tính từ thời điểm giải ngân đến ngày 01/10/2017. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc 11.061.517 đồng của nguyên đơn.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi:

[5] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ . Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Tính đến ngày 01/10/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 11.313.226 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà bị đơn chưa thanh toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 ngày 30/9/2014 hai bên đã ký kết.

- Về án phí:

[7] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[8] Việc yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 5%/tháng. Xét thấy, việc thỏa thuận mức lãi suất này là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 121, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 20141014-133016-0006 ngày 30/9/2014 tính đến ngày 01/10/2017 là 22.374.743 (hai mươi hai triệu ba trăm bẩy mươi tư nghìn bẩy trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó: Nợ gốc 11.061.517 đồng; nợ lãi 11.313.226 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.118.737 (một triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00011787 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huân